

Số: /QĐ-UBND

Yên Hòa, ngày tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án: Xây dựng tuyến đường từ  
Liên Trì đến Trinh Nữ, xã Yên Hòa.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ YÊN HÒA**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ qui định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.*

*Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.*

*Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng.*

*Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình.*

*Căn cứ Hướng dẫn số 2779/HD-SXD ngày 15/10/2021 của Sở Xây dựng Ninh Bình về việc xác định giá vật liệu, đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công; một số nội dung quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo quy định tại Nghị định số: 10/2021/NĐ-CP của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Thông báo kết luận số 1473-TB/HU ngày 14/02/2022 của Ban Thường trực Huyện ủy Yên Mô về đồng ý chủ trương đầu tư dự án;*

*Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 15/10/2021 của Hội đồng nhân dân xã Yên Hòa về việc chấp thuận báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng tuyến đường từ Liên Trì đến Trinh Nữ, xã Yên Hòa.*

*Căn cứ Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của UBND xã Yên Hòa về việc phê duyệt đề cương Nhiệm vụ, dự toán chi phí khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ*

thuật dự án đầu tư xây dựng công trình Xây dựng tuyến đường từ Liên Trì đến Trinh Nữ, xã Yên Hòa;

Căn cứ Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của UBND xã Yên Hòa về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu gói thầu Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án đầu tư xây dựng công trình Xây dựng tuyến đường từ Liên Trì đến Trinh Nữ, xã Yên Hòa;

Căn cứ Văn bản số 126/TB-KT&HT, ngày 21/6/2022 của phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Yên Mô về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng tuyến đường từ Liên Trì đến Trinh Nữ, xã Yên Hòa;

Xét đề nghị của Công chức Địa chính - Xây dựng xã.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án Xây dựng tuyến đường từ Liên Trì đến Trinh Nữ, xã Yên Hòa với các nội dung sau:

**1. Tên dự án:** Xây dựng tuyến đường từ Liên Trì đến Trinh Nữ, xã Yên Hòa.

**2. Người quyết định đầu tư:** Ông Đoàn Trung Nam - Chủ tịch UBND xã Yên Hòa.

**3. Chủ đầu tư:** UBND xã Yên Hòa.

**4. Tổ chức lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật:** Công ty TNHH tư vấn công nghệ & giải pháp Việt.

**5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:**

Xây dựng tuyến đường đảm bảo phục vụ nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của nhân dân trong xã, hoàn thiện về hạ tầng giao thông xã, đồng thời góp phần nâng cao các tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu của địa phương.

**5. Quy mô xây dựng công trình:**

5.1. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

5.2. Quy mô xây dựng:

Đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông từ Liên Trì đến Trinh Nữ, xã Yên Hoà đạt quy mô đường cấp B giao thông nông thôn theo TCVN 10380:2014 và các công trình phụ trợ trên tuyến, cụ thể như sau:

5.2.1. Bình đồ: hướng tuyến cơ bản bám theo hướng tuyến hiện tại; tim tuyến trùng với tim tuyến khảo sát cắm ngoài thực địa. Điểm đầu lý trình Km0+0,00 giao với đường ĐH.74; điểm cuối lý trình Km1+128,56 giao với đường bê tông hiện trạng gần cổng làng Trinh Nữ 3; chiều dài tuyến 1.128,56m.

5.2.2. Trắc dọc: cao độ đường đồ thiết kế trên cơ sở các điểm khống chế về công trình, phù hợp với địa hình trên tuyến, đảm bảo êm thuận và bố trí các công trình trên tuyến.

5.2.3. Quy mô cắt ngang

- Chiều rộng nền đường  $B_{nền}=6,5m$  trong đó chiều rộng mặt đường  $B_{mặt}=3,5m$ ; chiều rộng lề đường  $B_{lề}=2 \times 1,5=3,0m$  (chiều rộng lề gia cố  $B_{lề \text{ gia cố}}=2 \times 1,0m$ ; chiều rộng lề đất  $B_{lề \text{ đất}}=2 \times 0,5=1,0m$ ).

- Độ dốc ngang mặt đường và lề gia cố  $i_{\text{mặt}}=i_{\text{lề gia cố}}=2\%$ , độ dốc ngang lề đất  $i_{\text{lề đất}}=4\%$ .

- Độ dốc mái đường đắp 1:1,5.

#### 5.2.4. Giải pháp kỹ thuật

##### a. Nền, mặt đường

- Nền đường: đào đất không thích hợp với chiều dày trung bình 0,5m tại các vị trí nền đường mở rộng đi qua ruộng và kênh mương; đào cấp đối với những vị trí nền tự nhiên có độ dốc ngang (20÷50)%; đắp nền đường bằng đất đá hỗn hợp đầm chặt  $K=0,90$ ; lớp tiếp giáp đáy móng chiều dày 30cm đắp bằng đất đá hỗn hợp đầm chặt  $K=0,95$ .

- Mặt đường:

+ Kết cấu mặt đường từ trên xuống dưới: lớp bê tông xi măng mác 300 đá 2x4 dày 20cm sau đầm lèn, lớp giấy dầu cách ly và lớp cấp phối đá dăm loại I dày 16cm sau lu lèn.

+ Bố trí các tấm bê tông xi măng có kích thước (3,7x2,75)m liên kết với nhau bằng các khe nối (khe dọc và khe ngang); khe có thanh truyền lực bao gồm khe dẫn, khe co giãn (03 khe co liên tiếp trước và sau khe dẫn) và khe dọc; khoảng cách giữa các khe dẫn là 55,5m.

- Đường giao dân sinh được thiết kế vuốt nối đảm bảo êm thuận và an toàn giao thông, kết cấu vuốt nối như kết cấu tuyến chính.

##### b. Công trình trên tuyến

b.1) Công trình thoát nước ngang đường và dọc đường: thiết kế hoàn trả các cống ngang đường và nối dài cống dọc đường trên tuyến đảm bảo tiêu thoát nước, nội dung cụ thể:

- Vị trí, khẩu độ cống:

TT	Lý trình	Khẩu độ	Ghi chú
1.	Km0+2,72	Cống tròn D=0,8m	Nối dài cống hiện có
2.	Km0+74,12	Cống tròn D=0,5m	Thay thế cống cũ
3.	Km0+207,22	Cống tròn D=0,5m	Thay thế cống cũ
4.	Km0+308,81	Cống tròn D=0,5m	Thay thế cống cũ
5.	Km0+414,96	Cống tròn D=0,5m	Thay thế cống cũ
6.	Km0+559,95	Cống tròn D=0,5m	Thay thế cống cũ
7.	Km0+566,31	Cống tròn D=0,5m	Thay thế cống cũ
8.	Km0+629,45	Cống tròn D=0,5m	Thay thế cống cũ
9.	Km0+635,94	Cống tròn D=0,5m	Thay thế cống cũ
10.	Km0+695,07	Cống tròn D=0,5m	Thay thế cống cũ

TT	Lý trình	Khẩu độ	Ghi chú
11.	Km0+698,12	Cống hộp BxH=(1,0x1,0)m	Thay thế cống cũ
12.	Km0+811,53	Cống tròn D=0,5m	Thay thế cống cũ
13.	Km0+849,85	Cống hộp BxH=(1,0x1,0)m	Thay thế cống cũ
14.	Km0+922,07	Cống tròn D=0,5m	Thay thế cống cũ
15.	Km0+930,14	Cống tròn D=0,5m	Thay thế cống cũ
16.	Km1+39,00	Cống hộp BxH=(1,0x1,0)m	Thay thế cống cũ
17.	Km1+95,30	Cống tròn D=0,5m	Thay thế cống cũ
18.	Km1+138,56	Cống hộp BxH=(1,0x1,0)m	Nối dài cống hiện có

- Quy mô kết cấu:

+ Cống hộp khẩu độ BxH=(1,0x1,0)m: đót cống bê tông cốt thép mác 300, chiều dài đót 1m, chiều dày 15cm, phía ngoài quét nhựa đường chống thấm; móng cống bê tông xi măng mác 150 trên lớp đá dăm đệm dày 10cm; tường đầu, tường cánh cống bê tông xi măng mác 150; gia cố nền móng cống bằng cọc tre có chiều dài 2,5m, mật độ 25 cọc/m<sup>2</sup>.

+ Cống tròn khẩu độ D=0,5m và D=0,8m: đót cống bê tông cốt thép mác 200, chiều dài đót 1m, chiều dày cống khẩu độ D=0,5m là 8cm và cống khẩu độ D=0,8m là 10cm; móng cống, tường đầu, tường cánh bê tông xi măng mác 150 trên lớp đá dăm đệm dày 10cm; gia cố nền móng cống bằng cọc tre có chiều dài 2,5m, mật độ 25 cọc/m<sup>2</sup>.

b.2) Tường chắn: thiết kế tường chắn tại các vị trí nền đường tiếp giáp với kênh để đảm bảo độ ổn định của nền đường, giảm thiểu phạm vi phải giải phóng mặt bằng và chiếm dụng lòng kênh; kết cấu móng tường chắn xây đá hộc vữa xi măng mác 100 trên lớp đá dăm đệm dày 10cm; thân tường chắn xây đá hộc vữa xi măng mác 100; giằng đỉnh tường chắn bê tông cốt thép mác 250; gia cố nền móng tường chắn bằng cọc tre có chiều dài 2,5m, mật độ 25 cọc/m<sup>2</sup>.

b.3) Bố trí biển báo, cọc tiêu, vạch sơn... đảm bảo theo các quy định hiện hành.

**6. Địa điểm xây dựng công trình:** xã Yên Hòa - huyện Yên Mô.

**7. Tổng kinh phí đầu tư:** **14.996.000.000** đồng.

Trong đó:

Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	1.750.000.000	đồng
Chi phí xây dựng	11.334.584.000	đồng
Chi phí quản lý dự án	341.171.000	đồng
Chi phí tư vấn đầu tư XD	727.303.000	đồng
Chi phí khác	251.741.000	đồng

Chi phí dự phòng

591.201.000 đồng

**Tổng**

**14.996.000.000 đồng**

**8. Nguồn vốn đầu tư:** Nguồn ngân sách xã điều tiết từ nguồn đầu giá giá trị quyền sử dụng đất và các nguồn thu hợp pháp khác.

**9. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn quản lý dự án.

**10. Tiến độ thực hiện:** Năm 2022-2023.

**Điều 2.** Giao cho công chức Địa chính – Xây dựng xã, công chức Tài chính – Kế toán xã, đơn vị tư vấn quản lý dự án thực hiện các bước tiếp theo của dự án theo đúng quy định quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 4.** Văn phòng HĐND và UBND xã, công chức Địa chính – Xây dựng xã, công chức Tài chính - Kế toán xã, đơn vị tư vấn quản lý dự án và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như điều 4;

- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Đoàn Trung Nam**